

**CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 779 /DLA-NVDTPC
V/v tuyên truyền, phổ biến một số nội
dung tại Thông tư số 21/2026/TT-BTC
sửa đổi, bổ sung một số điều của
Thông tư số 80/2021/TT-BTC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: Các tổ chức, doanh nghiệp và người sử dụng đất
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Ngày 17/3/2026, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 21/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế. Để các tổ chức, doanh nghiệp và người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hiểu và thực hiện đúng quy định, Thuế tỉnh Đắk Lắk tuyên truyền, phổ biến một số nội dung quy định tại Thông tư số 21/2026/TT-BTC như sau:

1. Thủ tục liên quan đến hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất

Tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 21/2026/TT-BTC (sửa đổi Điều 59 Thông tư số 80/2021/TT-BTC) quy định chi tiết thành phần hồ sơ miễn tiền thuê đất một số năm, giảm tiền thuê đất đối với trường hợp cơ quan thuế có thẩm quyền giải quyết hồ sơ miễn, giảm thuế như sau:

1.1. Hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối mà bị thiên tai, hoả hoạn theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024

- Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

- Biên bản xác định mức độ, giá trị thiệt hại về tài sản theo mẫu số 02/MGTH ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC (không cần xác nhận của đại diện chính quyền).

Cơ quan có thẩm quyền xác định mức độ, giá trị thiệt hại là cơ quan tài chính hoặc các cơ quan giám định xác định mức độ, giá trị thiệt hại về tài sản.

Trường hợp thiệt hại về hàng hoá: Người nộp thuế cung cấp Biên bản giám định (chứng thư giám định) về mức độ thiệt hại của cơ quan giám định và cơ quan giám định phải chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác của kết quả và kết luận trong chứng thư giám định theo quy định của pháp luật.

- Bản sao tài liệu chứng minh về các khoản hỗ trợ của Nhà nước theo quy định của pháp luật (trong trường hợp người thuê đất có nhận được khoản hỗ trợ của Nhà nước theo quy định của pháp luật).

- Bản sao Quyết định cho thuê đất hoặc Hợp đồng thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.2. Hồ sơ giảm tiền thuê đất đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh (trừ dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối) nhưng phải tạm ngừng hoạt động để khắc phục hậu quả do bị thiên tai, hỏa hoạn hoặc do tai nạn bất khả kháng theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP

- Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

- Bản sao văn bản xác nhận về thời gian tạm ngừng hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký đầu tư hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ xác định thời gian tạm ngừng hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định.

- Bản sao Quyết định cho thuê đất hoặc Hợp đồng thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.3. Hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất đối với tổ chức, đơn vị có sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số cư trú hợp pháp trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các địa bàn có địa giới hành chính thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP

- Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

- Văn bản của tổ chức, đơn vị thông tin về: Tỷ lệ (%) sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số, số lao động là người dân tộc thiểu số bình quân năm và số lao động có mặt làm việc thường xuyên bình quân năm theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP.

Tổ chức, đơn vị có sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số chịu trách nhiệm về các thông tin cung cấp nêu trên.

- Bản sao Quyết định cho thuê đất hoặc Hợp đồng thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.4. Hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất đối với tổ chức, đơn vị có sử dụng lao động là người khuyết tật được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP

- Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

- Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận tỷ lệ (%) sử dụng lao động là người khuyết tật theo quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc văn bản của tổ chức, đơn vị thông tin về tỷ lệ (%) sử dụng lao động là người khuyết tật của năm trước liền kề năm phải nộp tiền thuê đất theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP.

Tổ chức, đơn vị có sử dụng lao động là người khuyết tật chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp nêu trên.

- Bản sao Quyết định cho thuê đất hoặc Hợp đồng thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

*** Lưu ý:** Các giấy tờ trong hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất quy định tại Điều 1 Thông tư số 21/2026/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung Điều 59 Thông tư số 80/2021/TT-BTC) do cơ quan nhà nước cấp hoặc xác nhận đã được tích hợp đầy đủ trên cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ quan có thẩm quyền giải quyết miễn, giảm tiền thuê đất được quyền khai thác dữ liệu này thì người thuê đất không phải nộp các giấy tờ này khi nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan có thẩm quyền giải quyết miễn, giảm tiền thuê đất yêu cầu người thuê đất bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết miễn, giảm tiền thuê đất; đồng thời đề nghị người thuê đất thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Bãi bỏ quy định về hồ sơ miễn, giảm tiền sử dụng đất

Tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 21/2026/TT-BTC đã bãi bỏ Điều 60 Thông tư số 80/2021/TT-BTC quy định về hồ sơ miễn, giảm tiền sử dụng đất.

3. Thay thế mẫu biểu Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Thông tư số 21/2026/TT-BTC đã thay thế một số mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC như sau:

- Tờ khai thuế TNDN áp dụng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo từng lần phát sinh (Mẫu số 02/TNDN).

- Tờ khai thuế TNDN áp dụng đối với hoạt động chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nước ngoài (Mẫu số 05/TNDN)

4. Quy định chuyển tiếp

Đối với trường hợp doanh nghiệp nước ngoài quy định tại các điểm b2, b3 và b4 khoản 1 Điều 2 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ có hợp đồng chuyển nhượng vốn đã ký trước ngày Nghị định số 320/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp nước ngoài thực hiện khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng vốn theo Mẫu số 05/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

5. Hiệu lực thi hành

Thông tư số 21/2026/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/3/2026.

Trên đây là nội dung tuyên truyền một số quy định tại Thông tư số 21/2026/TT-BTC. Thuế tỉnh Đắk Lắk gửi Công văn này đến tổ chức, doanh nghiệp và người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh để các đơn vị nghiên cứu, thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc xin vui lòng liên hệ cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hướng dẫn, giải đáp. /!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Báo và PTTH Đắk Lắk (để phối hợp đưa tin);
- Lãnh đạo Thuế tỉnh;
- Văn phòng, các Phòng: CNTK, DLRR, TCCB, Ktr1, Ktr2;
- Các Phòng: QLDN 1, 2, 3 (để tuyên truyền đến NNT);
- Các Thuế cơ sở (để tuyên truyền đến NNT);
- Website, Zalo Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, NVDTPC.

Toán văn Thông tư số
21/2026/TT-BTC ngày
17/3/2026 của Chính phủ



TRƯỞNG THUẾ TỈNH



Nguyễn Anh Tuấn